

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN KHÁNG NGHỊ KHẮC PHỤC VI PHẠM KHI KIỂM SÁT QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG*

Tóm tắt: Đình chỉ giải quyết vụ án là quyết định quan trọng, chấm dứt quá trình giải quyết vụ án và trong nhiều trường hợp, đương sự không có quyền khởi kiện lại vụ án đó. Nếu có vi phạm pháp luật trong việc ban hành, quyết định này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi chính đáng của đương sự, niềm tin vào công lý cũng như sự tôn nghiêm của pháp luật. Do vậy, quá trình kiểm sát quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự (VADS) đòi hỏi phải chặt chẽ, khách quan và chính xác. Bài viết dưới đây trình bày quy định về việc thực hiện quyền kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khi phát hiện vi phạm nghiêm trọng trong việc ban hành quyết định đình chỉ giải quyết VADS qua quá trình kiểm sát dân sự, từ đó chỉ ra một số vướng mắc, bất cập và đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

Từ khoá: Viện kiểm sát nhân dân; kháng nghị; đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; kiểm sát việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

Ngày nhận bài: 28/11/2024; Biên tập xong: 03/12/2024; Duyệt đăng: 17/01/2025

REGULATIONS ON EXERCISING THE RIGHT TO PROTEST TO REMEDY VIOLATIONS WHEN SUPERVISING THE DECISION TO SUSPEND THE RESOLUTION OF CIVIL CASES BY THE PEOPLE'S PROCURACY

Astract: Suspending a case is an important decision, ending the process of settling the case and in many cases, the litigant does not have the right to re-submit the petitions. If there is a violation in its issuance, this decision will seriously affect the legitimate rights of the litigant, the belief in justice as well as the dignity of the law. Therefore, the process of supervising the decision to suspend the resolution of a civil case requires strictness, objectivity and accuracy. The following article presents the regulations on the implementation of the People's Procuracy's right to protest when detecting serious violations in the issuance of the decision to suspend the resolution of a civil case through the civil prosecution process, thereby pointing out some difficulties, inadequacies and proposing recommendations for improvement.

Keywords: The People's Procuracy; protest; suspension of a civil case; supervision of suspension of a civil case

Received: Nov 28th, 2024; **Editing completed:** Dec 03rd, 2024; **Accepted for publication:** Jan 17th, 2025

Trong quá trình giải quyết VADS, khi xuất hiện những căn cứ theo quy định pháp luật, Toà án sẽ ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đã thụ lý, chấm dứt hoàn toàn việc giải quyết thủ tục về mặt nội dung đối với vụ án đó. Kể từ thời điểm quyết định đình chỉ giải quyết VADS có hiệu lực pháp luật, các đương sự không có quyền khởi kiện lại, trừ trường hợp đặc biệt mà pháp luật có quy định. Tuy nhiên, nếu vì bất cứ lý do gì khiến cho việc đình chỉ giải quyết VADS vi phạm pháp luật thì sẽ xâm phạm ngay tới quyền lợi chính đáng của các đương sự, quyền con người trong tố tụng dân sự được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Theo đó, việc đình chỉ giải quyết của Toà án phải đúng đắn, khách quan và chính xác.

Điều 5 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định: “*Khi bản án, quyết định của Toà án nhân dân vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Viện kiểm sát phải kháng nghị*”. Theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Quy chế công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự (ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-VKSNDTC ngày 02/10/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao - sau đây gọi là Quy chế 364/QĐ-VKSTC) thì một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát (VKS) là: “*Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám*

** Email: Kieutrang.dhl.vn@gmail.com*

Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Pháp luật dân sự và Kiểm sát dân sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

độc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án theo quy định pháp luật”. Đồng thời, theo điểm b khoản 3 Điều 5 quy định về quy trình, kỹ năng kiểm sát bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án (ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-VKSTC ngày 06/9/2019 của Viện trưởng VKSND tối cao - sau đây gọi là Quyết định 399/QĐ-VKSTC): “Trường hợp phát hiện bản án, quyết định có vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, công chức báo cáo bằng văn bản với lãnh đạo VKS để xem xét kháng nghị hoặc kiến nghị theo thẩm quyền:...b) Đối với vi phạm nghiêm trọng, công chức đề xuất lãnh đạo VKS thực hiện quyền kháng nghị”. Theo đó, căn cứ để VKS kháng nghị quyết định đình chỉ giải quyết VADS là khi quyết định đó của Tòa án có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Hiện nay chưa có quy định cụ thể xác định rõ như thế nào là vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Các vi phạm trong việc áp dụng pháp luật về nội dung hay hình thức đều có tác động, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên không phải tất cả các vi phạm đều là căn cứ để VKS quyết định kháng nghị vì ngoài quyền năng kháng nghị thì VKS còn có quyền yêu cầu, quyền kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm. Đối với việc kháng nghị quyết định đình chỉ giải quyết VADS, phụ thuộc vào việc phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quyết định đó khi quyết định chưa có hiệu lực pháp luật hay đã có hiệu lực pháp luật mà việc thực hiện quyền kháng nghị sẽ khác nhau.

1. Kháng nghị đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự chưa có hiệu lực pháp luật

Thứ nhất, về thẩm quyền kháng nghị: Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì: “Viện trưởng VKS cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm, quyết định tạm đình chỉ giải quyết VADS, quyết định đình chỉ giải quyết VADS của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm”. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì thẩm quyền kháng nghị thuộc về Viện trưởng VKSND cùng cấp hoặc Viện trưởng VKSND cấp trên một cấp

của Tòa án đã xét xử sơ thẩm VADS đó. Về cơ chế ký thực hiện quyền kháng nghị, để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm sát giải quyết vụ việc dân sự, khoản 1 Điều 33 Quy chế 364/QĐ-VKSTC, Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 quy định phối hợp giữa VKSND và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của BLTTDS (sau đây gọi là TTLT số 02/2016) tại Điều 2 đã quy định Phó Viện trưởng có thể ký kháng nghị theo sự phân công của Viện trưởng và Phó Viện trưởng ký quyết định kháng nghị phải ghi rõ là “ký thay Viện trưởng”. Trong quá trình kiểm sát quyết định nếu phát hiện vi phạm cần phải kháng nghị phúc thẩm thì VKS cấp sơ thẩm thực hiện kháng nghị ngang cấp. Nếu VKS cấp trên trực tiếp phát hiện vi phạm cần kháng nghị thì thông báo cho VKS cấp sơ thẩm thực hiện kháng nghị ngang cấp. VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị phúc thẩm khi thời hạn kháng nghị phúc thẩm dành cho VKS cấp sơ thẩm đã hết mà VKS đó không kháng nghị. Khi có kháng nghị của VKS, Tòa án cấp phúc thẩm phải thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của BLTTDS.

Thứ hai, về thời hạn kháng nghị: Trường hợp đối tượng bị kháng nghị là quyết định đình chỉ giải quyết VADS của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật thì thời hạn kháng nghị của VKS cùng cấp là 07 ngày, của VKSND cấp trên trực tiếp là 10 ngày, kể từ ngày VKS cùng cấp nhận được quyết định theo khoản 2 Điều 280 BLTTDS năm 2015. Theo quy định này thì thời hạn kháng nghị phúc thẩm của VKSND cấp trên trực tiếp dài hơn VKSND cùng cấp. Quy định như vậy là phù hợp với việc nghiên cứu hồ sơ, bổ sung chứng cứ làm cơ sở cho hoạt động kháng nghị phúc thẩm của VKS và nhằm khắc phục tình trạng kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

Thứ ba, về hình thức, nội dung kháng nghị: Theo quy định tại Điều 279 BLTTDS năm 2015 về quyết định kháng nghị của VKS thì quyết định kháng nghị của VKS phải đáp ứng các yêu cầu về mặt hình thức và nội dung như trong khoản 1 Điều luật đã liệt kê. Bên cạnh đó, quyết định kháng nghị của VKS phải được lập theo Mẫu số 20/DS ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-VKSTC về ban hành hệ thống biểu mẫu tố tụng, nghiệp vụ trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, các vụ án

hành chính, kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân ngày 25/11/2021 của Viện trưởng VKSND tối cao (sau đây gọi là Quyết định số 410/QĐ-VKSTC). Trong đó, khi đề cập nội dung: “Kháng nghị toàn bộ hoặc phần của bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật”, bản kháng nghị phải thể hiện rõ nội dung vụ việc, phân tích các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đối chiếu với quyết định đình chỉ sơ thẩm, xác định vi phạm của quyết định đó. Về lý do (căn cứ) kháng nghị phúc thẩm, mục (10) Mẫu số 20/DS yêu cầu phân tích, đánh giá vi phạm, sai lầm nghiêm trọng về tố tụng, nội dung trong quyết định hoặc phần quyết định là căn cứ để kháng nghị phúc thẩm, dẫn chiếu cụ thể quy định của pháp luật, nên khi ban hành kháng nghị cần phải lưu ý: BLTTDS hiện hành không có quy định về căn cứ kháng nghị phúc thẩm. Điều đó cũng có nghĩa, VKS về nguyên tắc có thể kháng nghị phúc thẩm đối với mọi quyết định sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng. Trên thực tế, các vi phạm nghiêm trọng trong quyết định đình chỉ giải quyết VADS ở cấp sơ thẩm thường là các vi phạm liên quan đến việc áp dụng không đúng căn cứ đình chỉ giải quyết VADS; vi phạm về giải quyết hậu quả pháp lý của quyết định đình chỉ như về tạm ứng án phí của đương sự không đúng quy định pháp luật... những vi phạm này phải ở mức độ nghiêm trọng, có nghĩa vi phạm đó gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, xâm phạm tới quyền lợi chính đáng của họ, xâm phạm tới quyền con người trong tố tụng dân sự được pháp luật bảo vệ. Sau khi nêu rõ lý do việc kháng nghị, bản kháng nghị phải nêu rõ quan điểm và đề xuất hướng giải quyết cụ thể ở Tòa án cấp phúc thẩm (sửa, huỷ quyết định...).

Thứ tư, về yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ hoặc thực hiện quyền xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ (nếu cần thiết) để đảm bảo cho việc thực hiện kháng nghị phúc thẩm: Để có cơ sở kiểm sát chặt chẽ việc đình chỉ giải quyết VADS cũng như xem xét, quyết định việc kháng nghị khi phát hiện vi phạm của Tòa án trong đình chỉ giải quyết VADS thì theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Quy chế 364/QĐ-VKSTC quy định: “Nếu xét thấy cần phải nghiên cứu hồ sơ vụ việc thì báo cáo lãnh đạo VKS để yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ theo

quy định tại Điều 5 TTLT số 02/2016”. Theo đó, trong trường hợp xét thấy cần thiết, VKS yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ cho mình để nghiên cứu. Đồng thời, Điều 8 TLT số 02/2016 cũng quy định: “*Trước khi mở phiên tòa, phiên họp, nếu hồ sơ vụ việc dân sự đã được chuyển cho VKS mà có tài liệu, chứng cứ do đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp cho Tòa án hoặc do Tòa án thu thập bổ sung thì Tòa án chuyển ngay cho VKS bản sao tài liệu, chứng cứ đó*”. Đây là cơ sở để VKS có thể nắm bắt được mọi thông tin, tài liệu, chứng cứ, hồ sơ vụ án để có thể kiểm sát một cách chặt chẽ nhất cũng như đảm bảo việc thực hiện quyền kháng nghị đối với quyết định đình chỉ khi có vi phạm pháp luật là đúng đắn, có cơ sở và thuyết phục. Khoản 3 Điều 26 và Điều 32 Quy chế 364/QĐ-VKSTC quy định về xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm việc kháng nghị phúc thẩm: “1. Khi xét thấy cần xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc kháng nghị phúc thẩm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo lãnh đạo VKS thực hiện quyền xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 97 và Điều 106 BLTTDS; 2. Việc thông báo cho đương sự, chuyển tài liệu, chứng cứ do VKS thu thập cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 TLT số 02/2016”.

Thứ năm, về gửi, thông báo về việc kháng nghị: Sau khi ban hành văn bản kháng nghị phúc thẩm, VKS đã ban hành kháng nghị phải gửi ngay quyết định kháng nghị cho Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS bị kháng nghị để Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều 283 BLTTDS hiện hành. Kèm theo quyết định kháng nghị là tài liệu, chứng cứ bổ sung (nếu có) để chứng minh cho kháng nghị của VKS là có căn cứ và hợp pháp. Điều 281 BLTTDS năm 2015 quy định về việc kháng nghị. Theo đó, “VKS đã ra quyết định kháng nghị phải gửi ngay quyết định kháng nghị đó cho các đương sự có liên quan đến kháng nghị. Người được thông báo về việc kháng nghị có quyền gửi văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm. Văn bản nêu ý kiến của họ được đưa vào hồ sơ vụ án”.

Thứ sáu, về thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị: Sau khi ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định đình chỉ giải quyết VADS có vi phạm pháp luật nghiêm

trọng, trường hợp có sự thay đổi trong việc đưa ra quyết định kháng nghị đó, pháp luật quy định VKS có quyền thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị. Trường hợp vẫn còn thời hạn kháng nghị quy định tại Điều 280 BLTTDS năm 2015 thì VKS đã kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung nội dung kháng nghị mà không bị giới hạn bởi phạm vi kháng nghị ban đầu. Trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị theo quy định tại Điều 280 BLTTDS năm 2015 thì trước khi bắt đầu tại phiên họp phúc thẩm VKS đã kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị nhưng không được vượt quá phạm vi kháng nghị đã gửi cho Tòa án trong thời hạn kháng nghị. Trường hợp VKS thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị chỉ được thực hiện bởi Viện trưởng (hoặc Phó Viện trưởng) VKS đã ban hành kháng nghị hoặc Viện trưởng (Phó Viện trưởng) VKS cấp trên trực tiếp (đối với trường hợp Phó Viện trưởng thì chỉ khi được Viện trưởng ủy quyền để Phó Viện trưởng ký quyết định kháng nghị phúc thẩm). Và các quyết định thay đổi, bổ sung hay rút (toàn bộ hoặc một phần) quyết định kháng nghị phúc thẩm được thực hiện theo Mẫu số 23/DS, Mẫu số 24/DS ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-VKSTC. Tuy nhiên, trong việc xem xét thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị, theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa dân sự phúc thẩm (ban hành kèm theo Quyết định số 363/QĐ-VKSTC ngày 12/10/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao) (sau đây gọi là Quyết định số 363/QĐ-VKSTC) thì trong trường hợp cần thiết, VKS cấp sơ thẩm và VKS cấp trên trực tiếp có thể trao đổi với nhau về những nội dung dự kiến thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị. Khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này cũng quy định:

+ Trường hợp qua nghiên cứu hồ sơ vụ án xác định quyết định sơ thẩm có vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho một hoặc các bên đương sự mà những đương sự này có tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không kháng cáo mà VKS đã kháng nghị để bảo vệ quyền, lợi ích của họ nhưng họ có văn bản hoặc lời khai từ chối việc bảo vệ quyền lợi cho họ vì họ chấp nhận bản án, quyết định sơ thẩm thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền rút nội dung kháng nghị đó;

+ Trường hợp VKS đã kháng nghị, đương

sự đã kháng cáo nhưng sau đó người kháng cáo rút đơn kháng cáo và nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền rút kháng nghị;

+ Trường hợp kháng nghị của VKS có nội dung kháng nghị trùng với nội dung kháng cáo của đương sự, nhưng sau đó người kháng cáo rút đơn kháng cáo thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị;

+ Trường hợp VKS đã ban hành kháng nghị, nhưng sau đó Tòa án đã tuyên bản án sơ thẩm lại ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm mà nội dung thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm có liên quan đến nội dung của quyết định kháng nghị thì: Đối với trường hợp Tòa án ban hành quyết định chỉnh sửa, bổ sung bản án theo đúng quy định tại Điều 268 BLTTDS năm 2015, người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền rút kháng nghị đối với nội dung kháng nghị mà Tòa án đã chỉnh sửa, bổ sung bản án. Trường hợp ngược lại thì người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền giữ nguyên nội dung kháng nghị, đồng thời tổng hợp vi phạm để dự thảo phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm hoặc kiến nghị tổng hợp.

Như vậy, việc quy định bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị tại Điều 284 BLTTDS năm 2015 đã tạo điều kiện để VKS đã ban hành quyết định kháng nghị thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định pháp luật, cũng như kịp thời thay đổi, bổ sung, rút những nội dung kháng nghị mà theo họ chưa thỏa đáng hoặc để phù hợp với nguyện vọng của đương sự, giúp cho Tòa án cấp phúc thẩm có cơ sở xét xử vụ án được toàn diện, đầy đủ, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho các đương sự trong vụ án mà Tòa án đang phải giải quyết. Với quy định hướng dẫn trong Điều 10 Quyết định số 363/QĐ-VKSTC cho thấy việc tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự của VKS, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của họ một cách tốt nhất.

2. Kháng nghị đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đã có hiệu lực pháp luật

Theo quy định của BLTTDS năm 2015, đối với quyết định đình chỉ ở cấp sơ thẩm mà hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nếu không có

kháng cáo, kháng nghị thì sẽ phát sinh hiệu lực. Ở giai đoạn phúc thẩm có quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo khoản 6 Điều 308 BLTTDS năm 2015 là các quyết định có hiệu lực pháp luật ngay. Việc kháng nghị đối với các quyết định đã có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Thứ nhất, về thẩm quyền kháng nghị: Theo Điều 331 và Điều 354 của BLTTDS năm 2015 thì người có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trong VKSND bao gồm: Viện trưởng VKSND tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao, bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng VKSND cấp cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ. Cơ chế Phó Viện trưởng ký quyết định kháng nghị cũng được thực hiện tương tự như đối với quyết định kháng nghị quyết định đình chỉ giải quyết VADS chưa có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, theo giải đáp tại Công văn số 1083/VKSTC-V9 ngày 26/3/2024 của VKSND tối cao về giải đáp vướng mắc trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, khi phát hiện quyết định đình chỉ đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm là căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm thì VKS cấp dưới báo cáo VKS cấp trên theo Mẫu số 11/DS “Thông báo đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm” (ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-VKSTC) kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (câu 13 Mục I).

Thứ hai, về thời hạn kháng nghị: Theo Điều 334 BLTTDS năm 2015 thì người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có quyền kháng nghị trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 334. Trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 334 được kéo dài thêm 02 năm, kể từ ngày hết thời

hạn kháng nghị khi có đủ các điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều này. Theo Điều 355 BLTTDS năm 2015 thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm là 01 năm, kể từ ngày người có thẩm quyền kháng nghị biết được căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quy định tại Điều 352 BLTTDS.

Thứ ba, về hình thức, nội dung kháng nghị: Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm phải nêu rõ căn cứ, điều kiện và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điều 326, 333, 352 và 357 BLTTDS; được lập theo Mẫu số 52/DS ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-VKSTC do VKSND tối cao ban hành. Căn cứ, điều kiện kháng nghị phải bảo đảm đúng quy định tại Điều 326 và Điều 352 BLTTDS năm 2015.

Thứ tư, về thực hiện quyền xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để đảm bảo cho việc thực hiện kháng nghị phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Quy chế số 364/QĐ-VKSTC thì Viện trưởng VKSND tối cao, Kiểm sát viên VKSND tối cao, Viện trưởng VKSND cấp cao, KSV cao cấp thuộc VKSND cấp cao có quyền yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định hoặc Tòa án đang quản lý hồ sơ vụ án chuyển hồ sơ để xem xét, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 5 và Điều 20 TTLT số 02/2016. Đồng thời, cũng theo Điều 46 Quy chế này thì: “Việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 97, Điều 106, Điều 330 BLTTDS và Điều 32 của Quy chế này”.

Thứ năm, về gửi, thông báo quyết định kháng nghị: Việc gửi quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 336 và Điều 357 BLTTDS năm 2015; đồng thời gửi VKS cùng cấp với Tòa án đã ra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị. Trường hợp VKSND cấp cao kháng nghị thì còn phải gửi cho VKSND tối cao (khoản 2 Điều 48 Quy chế 364/QĐ-VKSTC).

Thứ sáu, về thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị: Việc thay đổi, bổ sung, rút quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 335 và Điều 357 BLTTDS năm 2015. Việc gửi quyết định thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị trước khi mở phiên tòa thực hiện theo quy định tại các khoản 1

và 3 Điều 336, Điều 357 BLTTDS năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 17 TTLT số 02/2016. Tại phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm, nếu có tài liệu, chứng cứ hoặc căn cứ khác làm thay đổi kháng nghị của VKS thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để báo cáo lãnh đạo VKS xem xét, quyết định việc thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị; nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận và vẫn tiến hành xét xử thì Kiểm sát viên tiếp tục tham gia phiên toà và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 49 Quy chế số 364/QĐ-VKSTC). Bên cạnh đó, Quyết định về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm VADS ban hành kèm theo Quyết định số 371/QĐ-VKSTC ngày 15/10/2020 tại Điều 16 quy định: Việc rút kháng nghị tại phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 49 Quy chế số 364/QĐ-VKSTC; trường hợp phát sinh tài liệu, tình tiết mới có thể dẫn tới việc rút kháng nghị thì Kiểm sát viên xử lý như quy định tại khoản 3 Điều 49 Quy chế số 364/QĐ-VKSTC.

3. Một số vướng mắc, bất cập và kiến nghị hoàn thiện

3.1. Một số vướng mắc, bất cập

Một là, vướng mắc trong việc kiểm sát căn cứ ban hành quyết định đình chỉ giải quyết VADS.

- Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 chưa giải quyết được vấn đề đặt ra trên thực tiễn đó là trường hợp nhiều quan hệ pháp luật có thể cùng tồn tại trong một VADS yêu cầu Toà án giải quyết (cả quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân) như vụ án khởi kiện ly hôn, thì việc vợ hoặc chồng chết có làm chấm dứt việc Toà án giải quyết vụ án về phần tài sản hay không hay trường hợp này Toà án vẫn có thể tạm đình chỉ giải quyết về phần tài sản để chờ xác định chủ thể kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự đã chết. Nếu Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS trong trường hợp phát sinh căn cứ đình chỉ này thì VKS sẽ xác định vi phạm trong việc ban hành quyết định không đúng căn cứ luật định hay cần xác định dựa vào đặc tính có thể chuyển giao hay không thể chuyển giao của các quyền, nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật dân sự để kiểm sát tốt nhất. Điều này cần được hướng

dẫn một cách cụ thể, hướng tới việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người thừa kế theo đúng tinh thần của pháp luật dân sự.

- Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015: Xét về mặt lý luận, điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 chưa quy định về cách xử lý trường hợp vụ án có nhiều yêu cầu tố tụng, chẳng hạn như nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và các chi phí tố tụng khác nhưng bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn nộp các chi phí theo đúng quy định của pháp luật thì sẽ xử lý ra sao. Thực chất việc thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc trưng cầu giám định cũng chỉ là một trong những biện pháp thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án. Do vậy, về phương diện lý luận nếu Toà án vẫn có thể giải quyết vụ án từ các nguồn chứng cứ, tài liệu khác thì không nhất thiết phải đình chỉ giải quyết vụ án¹. Bên cạnh đó, cũng có quan điểm cho rằng, quy định này lại phát sinh bất cập liên quan đến trường hợp đương sự đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và các chi phí tố tụng khác nhưng chưa đủ. Trên thực tế, có rất nhiều trường hợp do đương sự nộp không đủ chi phí theo thông báo của cơ quan chuyên môn thì Toà án sẽ không nhận được kết quả giám định, đo đạc, định giá... Do đó, sẽ không có căn cứ để tiếp tục giải quyết vụ án, nhưng lại không có quy định Toà án đình chỉ vụ án trong trường hợp đương sự nộp thiếu tiền tạm ứng².

Hai là, vướng mắc trong kiểm sát việc giải quyết hậu quả pháp lý của đình chỉ giải quyết VADS trong trường hợp nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS có được quyền khởi kiện lại hay không: Nội dung này đã được hướng dẫn tại Mục V Phần IV Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 giải đáp một số vướng mắc trong xét xử. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử lại cho thấy các quan điểm khác nhau giữa Toà án, VKS, giữa Toà án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm về vấn đề này.

¹ Trần Anh Tuấn (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2017, tr. 532.

² Trần Thăng Long, Quách Thị Mỹ Trúc, "Một số bất cập trong áp dụng căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí Kiểm sát*, số 15/2022, tr. 36.

Ba là, khó khăn, vướng mắc trong việc pháp luật không quy định việc Tòa án phải gửi hồ sơ, tài liệu cho VKS khi gửi các quyết định đình chỉ cho VKS. Theo quy định tại khoản 3 Điều 217 BLTTDS năm 2015 thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ giải quyết VADS, Tòa án phải gửi quyết định đó cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân và VKS cùng cấp. Tuy nhiên, ngoài quy định nêu trên, luật không quy định việc Tòa án gửi kèm theo bất cứ tài liệu, chứng cứ nào làm căn cứ để ban hành quyết định trên. Theo đó, VKS chỉ kiểm sát được hình thức của quyết định chứ chưa kiểm sát được toàn diện nội dung của quyết định vì chưa thể đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ để kiểm sát tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định. Nội dung này được giải đáp trong Công văn số 1083/VKSTC-V9 “khi nhận được các quyết định, văn bản tố tụng này, VKS có quyền yêu cầu Tòa án cho sao chụp tài liệu (đối với văn bản trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu), chuyển hồ sơ vụ việc dân sự (đối với quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ giải quyết vụ việc) để thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị theo các điều 5, 21 TTTT số 02/2016” và đồng thời “VKS cần phối hợp chặt chẽ với Tòa án để thuận lợi trong việc có hồ sơ, tài liệu để kiểm sát các quyết định, văn bản tố tụng nêu trên nhanh chóng, kịp thời”. Mặc dù vậy, trên thực tế nhiều trường hợp tại nhiều Tòa án, việc thực hiện quy định này cũng như cơ chế phối hợp còn chưa tốt. Bên cạnh đó, để kiểm sát tốt tính có căn cứ của quyết định đình chỉ thì VKS phải yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ để nghiên cứu nên việc kiểm sát đôi lúc còn bị động và hiệu quả kiểm sát chưa mang tính kịp thời, chưa thể hiện quyền năng pháp lý của VKS theo quy định của Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự³.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện

Một là, về hướng dẫn áp dụng căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015. Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng căn cứ đình chỉ trong

trường hợp này theo hướng Tòa án chỉ đình chỉ giải quyết yêu cầu đối với quan hệ nhân thân mà không đình chỉ việc giải quyết đối với quan hệ tài sản trong vụ án. Nếu trong vụ án tranh chấp về quyền nhân thân mà đương sự chết, do quyền và nghĩa vụ của họ không được thừa kế thì Tòa án phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng đối với những vụ án có nhiều quan hệ pháp luật, vừa có quan hệ nhân thân và vừa có quan hệ tài sản yêu cầu Tòa án giải quyết mà đương sự trong vụ án đó lại chết thì không làm chấm dứt việc giải quyết quan hệ tài sản.

Hai là, cần có hướng dẫn đối với quy định tại khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 về việc ghi hay không ghi quyền khởi kiện lại vụ án vào phần hậu quả của quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Như đã phân tích ở trên, tại Mẫu số 45/DS có hướng dẫn: “Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 BLTTDS...”. Nếu ghi vào phần hậu quả của quyết định thì sẽ có một khó khăn là xác định đương sự nào có quyền khởi kiện lại và hiểu như thế nào về việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác so với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn, về xác định quan hệ tranh chấp. Để đối phó, Thẩm phán thường chọn giải pháp an toàn và ghi: Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật. Việc ghi như vậy được hiểu là đương sự không được quyền khởi kiện lại vụ án hay được quyền khởi kiện lại vụ án là phụ thuộc vào việc khởi kiện sau đó của đương sự và do Thẩm phán xử lý đơn tại thời điểm đó quyết định⁴. Do đó, để áp dụng pháp luật một cách thống nhất, cần phải có văn bản hướng dẫn về vấn đề này, hoặc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 để bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ba là, bổ sung quy định về quyền khởi kiện lại đối với trường hợp nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Xét về bản chất, việc nộp tạm ứng chi phí tố tụng cũng giống như việc nộp tạm ứng án phí. BLTTDS quy định người khởi kiện không nộp tạm ứng án phí thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện và họ vẫn có quyền nộp đơn khởi kiện lại theo quy định tại

³ Thu Hà (2021), Một số giải pháp nâng cao chất lượng kiểm sát vụ án dân sự, hôn nhân gia đình tạm đình chỉ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, <https://lamdong.gov.vn/sites/vks/nghiepvukiemsat/SitePages/MOT-SO-GIAI-PHAP-NANG-CAO-CHAT-LUONG-KIEM-SAT--VU-AN-DAN-SU-HON-NHAN-GIA-DINH-TAM-DINH-CHI--TREN-DIA-BAN-TINH-LAM-DONG.aspx>, truy cập ngày 22/11/2024.

⁴ Trương Thanh Hòa (2018), Quyền khởi kiện lại vụ án trong quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, <https://tapchitoaan.vn/quyen-khoi-kien-lai-vu-an-trong-quyet-dinh-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su?>

Điều 192 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, trường hợp nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng thì Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án và nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại là chưa phù hợp, chưa thống nhất với các quy định khác của BLTTDS, nhất là chưa đảm bảo được quyền dân sự của đương sự. Do đó, cần nghiên cứu bổ sung trường hợp vụ án đình chỉ do nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác là một trong những trường hợp mà đương sự có quyền khởi kiện lại vào khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015.

Bốn là, như đã phân tích, một trong những khó khăn, vướng mắc của VKS khi kiểm sát quyết định đình chỉ giải quyết VADS cũng như ban hành quyết định kháng nghị đôi khi chưa kịp thời, cũng có nguyên nhân từ việc chậm trễ trong thực hiện việc yêu cầu cung cấp và giao hồ sơ của Tòa án. Thay vì chỉ gửi quyết định đình chỉ theo quy định hiện hành, cần phải có quy định thống nhất trong BLTTDS, trong các văn bản nghiệp vụ của ngành Tòa án nhân dân, VKSND về việc khi Tòa án chuyển quyết định đình chỉ giải quyết VADS nói riêng, các quyết định khác trong quá trình giải quyết VADS nói chung thì phải chuyển kèm theo tài liệu, chứng cứ là căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án (bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 217 BLTTDS).

Năm là, cần quy định rõ về việc VKS cũng được thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ như Tòa án được quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 97 và các điều từ Điều 98 đến Điều 106 BLTTDS năm 2015 để phục vụ việc kháng nghị.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh các giải pháp như: Tăng cường quan hệ trao đổi, chỉ đạo nghiệp vụ trong Ngành giữa VKSND các cấp, như việc cho ý kiến ban hành kháng nghị, bảo vệ kháng nghị, trả lời thỉnh thị; các vụ án phức tạp có kháng nghị cần có sự trao đổi giữa VKS cấp huyện với Phòng nghiệp vụ; giữa Phòng nghiệp vụ với VKSND cấp cao, giữa VKSND cấp cao với VKSND tối cao để bảo đảm hiệu quả trong việc bảo vệ kháng nghị; tăng cường phối hợp giữa VKSND cấp trên với VKSND cấp dưới; xây dựng quy chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân và VKSND, đảm bảo Kiểm sát viên và Thẩm phán chủ động phối hợp trong suốt quá trình giải quyết các vụ việc dân sự; Kiểm sát viên tiếp cận hồ sơ từ đầu khi giải

quyết vụ án. Thực hiện phương thức phối hợp đa dạng, linh hoạt (qua điện thoại, qua văn bản, mời họp trao đổi...). VKSND tối cao phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao trong việc xây dựng pháp luật, giải đáp nghiệp vụ để nhận thức và thực hiện thống nhất (xác định thế nào là vi phạm nghiêm trọng, căn cứ kháng nghị...). Mỗi Kiểm sát viên cần phải xác định công tác kháng nghị là nhiệm vụ trọng tâm đột phá của mỗi cấp VKS, do đó cần thường xuyên nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ; không ngừng tự học hỏi và trau dồi kỹ năng nghiệp vụ, nắm vững luật chuyên ngành để áp dụng đúng khi kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự; tích lũy kinh nghiệm phát hiện vi phạm để chủ động, kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo Viện thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quyền hạn của VKS; kiên quyết thực hiện quyền kháng nghị đối với những vi phạm pháp luật đến mức phải kháng nghị, đồng thời học hỏi các kinh nghiệm hay của VKS các cấp thông qua các diễn đàn trao đổi nghiệp vụ để ngày càng nâng cao vị thế, vai trò của VKSND trong kiểm sát quyết định đình chỉ giải quyết VADS nói riêng, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự nói chung./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thu Hà (2021), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng kiểm sát vụ án dân sự, hôn nhân gia đình tạm đình chỉ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*, <https://lamdong.gov.vn/sites/vks/nghepvukiemsat/SitePages/MOT-SO-GIAI-PHAP-NANG-CAO-CHAT-LUONG-KIEM-SAT--VU-AN-DAN-SU-HON-NHAN-GIA-DINH-TAM-DINH-CHI--TREN-DIA-BAN-TINH-LAM-DONG.aspx>;
2. Trương Thanh Hòa (2018), *Quyền khởi kiện lại vụ án trong quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự*, <https://tapchitoaan.vn/quyen-khoi-kien-lai-vu-an-trong-quyet-dinh-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su?>;
3. Trần Anh Tuấn (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2017;
4. Trần Thăng Long, Quách Thị Mỹ Trúc, “Một số bất cập trong áp dụng căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 15/2022;
5. Vũ Hoàng Anh, “Mối liên hệ giữa pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật dân sự về tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 02/2018.